

Danh sách SV K 36 ngành VNH còn thiếu hồ sơ

□□, 2013 □ 10 □ 17 □ 01:10

Mã sinh viên	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Bà n s n	Bà n y c	Bà n y c	Giáo lý
				sinh	ao	sao	saoam h
				h	Bà	G	kết HS
				ọc	ng	KSPV	SV
				bạ	TN	inh	N
					PT		
					TH		
K36. 607.02	Trương Hồng	An h	08/11/1992			X	
K36. 607.03	Nguyễn Thị Vân	An h	08/06/1992			X	
K36. 607.04	Nguyễn Tú	Chân	20/08/1992			X	
K36. 607.05	Bùi Văn	Cô ng	27/03/1989			X	
K36. 607.06	Lê Thành	Cô ng	23/02/1992			X	
K36. 607.07	Trần Thị Mỹ	Da nh	03/01/1991			X	
K36. 607.08	Nguyễn Thị Hồng	Diêm	27/02/1992			X	
K36. 607.09	Nguyễn Thị Thùy	Dư ơn	12/02/1992			X	
K36. 607.10	Lê Huỳnh Thị Thùy	Du yên	26/11/1992			X	
K36. 607.11	Nguyễn Thị Thảo	Gia ng	04/09/1992			X	
K36. 607.12	Đông Thanh	Hải	27/11/1991			X	
K36. 607.14	Bùi Thị	Hiền	16/01/1992			X	
K36. 607.15	Châu Thị	Hiền	01/12/1992			X	
K36. 607.16	Nguyễn Đình	Ho àng	23/09/1992			X	

K36. Nguyễn 607.0Minh 17	Hư ng 91	26/0 4/19 91	X X		X
K36. Triệu Tuấn 607.0 18	Hù ng 91	10/0 7/19 91	X		
K36. Nguyễn 607.0Việt 19	Kh ái 92	07/0 3/19 92	X		
K36. Sơn Thị 607.0Cầm 20	Kh uyê n	17/0 9/19 92	X		
K36. Hồ Thị 607.0 21	Kiê u	03/0 2/19 91	X		
K36. Hồ Thị 607.0Thí 22	Liê u	03/0 9/19 92	X		
K36. Huỳnh Vũ 607.0 23	Lin h	13/0 2/19 92	X		
K36. Nguyễn 607.0Thị Hồng 24	Lo an	20/1 0/19 92	X		
K36. Nguyễn 607.0Thị Hồng 26	Ly 5/19 92	11/0 5/19 92	X		
K36. Dương 607.0Trúc 27	My 6/19 92	06/0 6/19 92	X		
K36. Phan Ngọc 607.0Vân 28	Na m	13/0 2/19 92	X		
K36. Châu Thị 607.0Anh 29	Đà o	20/0 1/19 92	X		
K36. Nguyễn 607.0Thị Kim 30	Ng ân	10/1 0/19 92	X		
K36. Lê Bảo 607.0Châu 31	Ng ân	16/0 7/19 92	X		
K36. Phạm Văn 607.0 34	Nh o	29/0 3/19 92	X		
K36. Đặng Thị 607.0Huỳnh 35	Nh ư	11/0 5/19 92	X		
K36. Nguyễn 607.0Thị n	Phá n	01/0 1/19	X		X

36	92	
K36. Cao Thị Ph	03/0	X
607.0Thùy ươ	8/19	
38	92	
K36. Trương Qu	10/1	X
607.0Thành ốc	2/19	
39	92	
K36. Phan Yến Qu	11/0	X
607.0	ỳnh2/19	
40	92	
K36. Thái Thị Tâ	19/1	X
607.0Thanh m	1/19	
42	92	
K36. Phạm Tâ	08/0	X
607.0Thanh m	1/19	
43	92	
K36. Nguyễn Th	02/1	X
607.0Thị ật	1/19	
44	90	
K36. Huỳnh Thị Th	20/1	X
607.0	anh0/19	
45	90	
K36. Nguyễn Th	03/0	X
607.0Thị Thanh ảo	1/19	
46	92	
K36. Trịnh Thị Th	07/0	X
607.0Thu ảo	8/19	
47	92	
K36. Nguyễn Thi	03/0	X
607.0Thị Lệ	6/19	
48	91	
K36. Trần Thị Thi	19/0	X
607.0Thanh ên	6/19	
49	92	
K36. Nguyễn Th	15/0	X
607.0Thị Kim oa	6/19	
51	92	
K36. Nguyễn Th	16/0	X
607.0Thị úy	6/19	
53	92	
Phương		
Hồng		
K36. Nguyễn Trâ	18/0	X
607.0Trần Quế n	3/19	
55	92	
K36. Lê Văn Tu	17/0	X
607.0	ấn 1/19	
59	92	
K36. Nguyễn Viê	05/0	X
607.0Thị n	6/19	
62	92	

K36. Nguyễn	Việ	23/0	X
607.0Hùng	t	7/19	
63		92	
K36. Bùi Quốc	Việ	10/0	X
607.0	t	8/19	
64		92	
K36. Dương	Yế	09/1	X
607.0Hoàng	n	0/19	
65		91	